

Số: 100 /NQ-HĐHV

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v Ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2023-2025 tầm nhìn 2030**

**HỘI ĐỒNG HỌC VIỆN**

**HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BUU CHÍNH VIỄN THÔNG**

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-BTTTT ngày 03/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thành lập Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.c;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12/04/2021 của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại kỳ họp lần thứ mười hai, ngày 20/4/2023.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2023-2025, tầm nhìn tới năm 2030 (nội dung chiến lược kèm theo).

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng Học viện, Giám đốc Học viện, Cơ sở Học viện tại thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Bộ TT&TT (để b/c);
- Đảng ủy Học viện (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, HĐHV.

**TM. HỘI ĐỒNG HỌC VIỆN  
CHỦ TỊCH**



**GS.TS. Từ Minh Phương**

## CHIẾN LƯỢC

### Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2023-2025 tầm nhìn 2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐHV ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

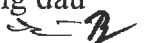
#### 1. GIỚI THIỆU

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng chuyển đổi số trên thế giới đã và đang đem lại sự phát triển và biến đổi nhanh chóng trên nhiều mặt của đời sống kinh tế và xã hội, đem lại nhiều tiện ích cho người dân. Cho đến nay, hầu hết các nước trên thế giới đều coi khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sống của người dân, giải quyết các vấn đề về môi trường và chống biến đổi khí hậu. Các quốc gia hàng đầu như Mỹ, Trung Quốc, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, ... đều quan tâm và dành nhiều nguồn lực cho KH, CN & ĐMST để nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo đảm an ninh và khẳng định vị thế quốc gia, từ đó tạo ảnh hưởng trên trường quốc tế.

Tại Việt Nam, trước những thách thức đặt ra từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình hội nhập quốc tế, đại hội XIII của Đảng đặc biệt chú trọng vai trò của KH, CN & ĐMST, coi đó là một trong những đột phá chiến lược phát triển đất nước giai đoạn tới. Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030 đã được Chính phủ ban hành theo Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022. Theo đó, Việt Nam coi phát triển KH, CN & ĐMST là quốc sách hàng đầu, đóng vai trò đột phá chiến lược trong giai đoạn mới; là động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả; là nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia, các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, địa phương và doanh nghiệp; là nền tảng để thực hiện chuyển đổi số quốc gia; góp phần quan trọng nâng cao đời sống nhân dân, phát triển bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó, các viện nghiên cứu, trường đại học được định hướng phát triển thành các trung tâm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và là nguồn cung cấp tri thức cho các hoạt động đổi mới sáng tạo.

Trường đại học Quốc gia Hà Nội, đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, đại học Bách Khoa Hà Nội và nhiều trường đại học khác tại Việt Nam đã ban hành chiến lược KH, CN & ĐMST của riêng mình, trong đó đều coi KH, CN & ĐMST là nền tảng và động lực cho sự phát triển và nâng cao vị thế; chú trọng gắn kết giữa nghiên cứu và đào tạo; góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (sau đây gọi tắt là Học Viện) là trường đại học duy nhất trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, được hình thành trên cơ sở sáp nhập 02 Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông và 03 Viện nghiên cứu hàng đầu của đất nước. Học viện đã ban hành chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn tới năm 2030 với mục tiêu sẽ trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu



tại Việt Nam và khu vực về đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin – truyền thông; tiên phong, sáng tạo, dẫn dắt trong chuyển đổi số.

Theo đó, Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST trong tài liệu này là chiến lược thành phần trong Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.

## 2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

(1) *Hoạt động khoa học và công nghệ* là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

(2) *Sản phẩm khoa học và công nghệ* là sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, là kết quả của quá trình sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ dựa trên việc áp dụng, ứng dụng hoặc phát triển kết quả khoa học và công nghệ.

(3) *Phòng thí nghiệm chuyên sâu, Nhóm nghiên cứu/Nhóm nghiên cứu mạnh* là tập thể các nhà khoa học do một nhà khoa học tại Học viện, có uy tín, có năng lực, trình độ chuyên môn cao đứng đầu dẫn dắt phát triển một hướng nghiên cứu có tính liên ngành, dài hạn, có tính tiên phong, đột phá; có mục tiêu, kế hoạch, nội dung nghiên cứu trong từng giai đoạn cụ thể để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ.

(4) *Hoạt động đổi mới sáng tạo* là hoạt động tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị của sản phẩm, hàng hóa, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế-xã hội.

(5) *Đơn vị trực thuộc* là đơn vị có tư cách pháp nhân của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, do Hội đồng Học viện quyết định thành lập; tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện.

(6) *Đơn vị thuộc* là đơn vị không có tư cách pháp nhân của Học viện, do Hội đồng Học viện quyết định thành lập; tổ chức và hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện, phù hợp với quy định của pháp luật.

(7) *Cán bộ của Học viện* là cá nhân đang làm việc tại Học viện theo chế độ hợp đồng lao động, viên chức và công chức theo quy định của pháp luật.

(8) *Người học của Học viện* là nghiên cứu sau tiến sĩ (posdoc), nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên đang theo học tại Học viện và đơn vị trực thuộc.

## 3. QUAN ĐIỂM

(1) Nghiên cứu và phát triển KH, CN & ĐMST là nền tảng và động lực cho sự phát triển của Học viện, gắn kết và hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo.

(2) Hoạt động KH, CN & ĐMST phù hợp với bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; hướng tới làm chủ và ứng dụng nhanh chóng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới; tiến tới sáng tạo, tự chủ và cạnh tranh về công nghệ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

(3) Phát triển KH, CN & ĐMST có trọng tâm, trọng điểm hướng tới hiệu quả thực tế, gắn kết hợp nội lực và ngoại lực để tăng cường vị thế và hình ảnh của Học viện trong

nước và quốc tế.

(4) Hoạt động KH,CN&ĐMST thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật của Nhà nước; phù hợp các định hướng của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030.

## **4. MỤC TIÊU**

### **4.1. Mục tiêu chung**

Đến năm 2030, hoạt động KH,CN&ĐMST của Học viện đóng vai trò nền tảng, góp phần quan trọng để thực hiện Chiến lược phát triển Học viện thành trường đại học hàng đầu về quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH); trở thành trường đại học nằm trong số các trường đại học hàng đầu Đông Nam Á về công nghệ số.

### **4.2. Mục tiêu cụ thể**

(1) Gia tăng số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ, đặc biệt là các công bố quốc tế thuộc danh mục WoS/Scopus, phục vụ định hướng xếp hạng quốc tế của Học viện. Phấn đấu trung bình số bài báo trên tổng số cán bộ khoa học/năm đạt tỷ lệ 0,5 vào năm 2025 và tỷ lệ 1,6 vào năm 2030.

(2) Phát triển tiềm lực KH,CN&ĐMST của Học viện (bao gồm nhân lực khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị) với hạt nhân là các viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm chuyên sâu, nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh của Học viện. Đến năm 2025, Học viện có 10-15 phòng thí nghiệm chuyên sâu, nhóm nghiên cứu (NNC) và nhóm nghiên cứu mạnh.

(3) Tiếp tục nghiên cứu phát triển các dịch vụ KH,CN&ĐMST phục vụ xã hội; đến năm 2025 có 03-05 dịch vụ KH&CN được thị trường chấp nhận; góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế của Học viện tại các tỉnh/thành phố trên toàn quốc.

(4) Hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động KH,CN&ĐMST gắn kết giữa nghiên cứu với đào tạo theo hướng 100% đơn vị nghiên cứu trực thuộc Học viện tham gia các hoạt động đào tạo; gắn kết hoạt động KH,CN&ĐMST với doanh nghiệp để giải quyết các bài toán thực tế của xã hội; tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, hướng tới đưa Học viện tham gia các bảng xếp hạng đại học quốc tế; xem xét thành lập trung tâm ĐMST và doanh nghiệp KH&CN trực thuộc Học viện.

(5) Phát triển hoạt động KH,CN&ĐMST phục vụ cho quá trình chuyển đổi số trong hoạt động quản trị đại học với 100% các dịch vụ phục vụ hỗ trợ người học được thực hiện trực tuyến, góp phần xây dựng Học viện trở thành hình mẫu về chuyển đổi số đại học của Việt Nam.

## **5. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỦ YẾU**

### **5.1. Giải pháp về chính sách**

- Xây dựng quy chế, quy định hỗ trợ cán bộ Học viện tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế; đăng cai tổ chức các hội nghị quốc tế hàng năm.

- Sửa đổi Quy chế quản lý đề tài khoa học công nghệ cấp Học viện theo hướng ưu tiên cho các đề tài có sản phẩm đầu ra là bài báo khoa học quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus; bổ sung các hình thức đề tài trọng điểm của Học viện, đề tài được tài trợ kinh phí nghiên cứu bởi các tổ chức/doanh nghiệp.

- Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng thí nghiệm chuyên sâu, NNC/NCC mạnh để hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động khoa học như: tham gia hội nghị quốc tế, kinh phí xuất bản bài báo khoa học, thực hiện dự án thử nghiệm, trả kinh phí người học tham gia nghiên cứu... Ưu tiên giao các đề tài trọng điểm của Học viện cho các phòng thí nghiệm chuyên sâu, NNC/NCC mạnh.

- Khuyến khích và hỗ trợ các nhà khoa học trong Học viện đăng ký các bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các tài sản trí tuệ khác tạo ra từ ngân sách của Học viện và từ ngân sách của nhà nước mà Học viện được giao chủ trì nhiệm vụ KH,CN&ĐMST theo quy định.

- Khuyến khích cán bộ, giảng viên tăng cường NCKH thông qua các chính sách về lương, thu nhập dựa trên kết quả hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Khen thưởng cán bộ, giảng viên có bài báo công bố quốc tế hoặc có thành tích cao trong hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Khuyến khích và hỗ trợ người học trong Học viện có công trình trên các tạp chí/hội nghị khoa học quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý KH,CN&ĐMST theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính; xây dựng và ban hành Quy chế quản đề tài cấp Học viện theo hướng quản lý kết quả cuối cùng và phát huy tính chủ động của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện.

- Xây dựng định hướng phát triển KH,CN&ĐMST của các Viện phù hợp với định hướng phát triển KH,CN&ĐMST của quốc gia, của ngành thông tin và truyền thông, và chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST của Học viện; chủ động tham gia các chương trình KH,CN&ĐMST các cấp và các nhiệm vụ đặt hàng từ doanh nghiệp, tổ chức xã hội.

## **5.2. Giải pháp về nhân lực**

- Hình thành các phòng thí nghiệm chuyên sâu, nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh thuộc các lĩnh vực: vô tuyến di động thế hệ mới, AI và dữ liệu lớn, an toàn thông tin, IoT, blockchain, Fintech,... Trong đó khuyến khích thu hút nguồn lực từ người học của Học viện tham gia nghiên cứu (đặc biệt ưu tiên sinh viên hệ chất lượng cao).

- Tăng cường các chính sách ưu đãi để tuyển dụng, thu hút nhân lực chất lượng cao (giáo sư, phó giáo sư, nhà khoa học có uy tín, các tiến sĩ tốt nghiệp nước ngoài có công trình công bố quốc tế nổi trội, các cán bộ quản lý có năng lực tốt).

- Thúc đẩy, thu hút chuyên gia, giảng viên quốc tế đến nghiên cứu và giảng dạy tại Học viện (đến 2025 thu hút được 20-25 chuyên gia nước ngoài).

- Các Viện nghiên cứu tập trung chủ trì các nghiên cứu ứng dụng, tư vấn, đánh giá kiểm định giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Khai thác đặc thù nghiên cứu KH,CN&ĐMST của Học viện thông qua sự hỗ trợ, phối hợp giữa đội ngũ nhà khoa học, giảng viên và các Viện nghiên cứu trong Học viện.

## **5.3. Giải pháp về hợp tác**

- Gắn hoạt động KH,CN&ĐMST của các Viện với các nhà tài trợ, liên kết hợp tác với doanh nghiệp. Định kỳ 01 lần/quý Học viện tổ chức hoạt động xúc tiến, trao đổi hợp tác với các doanh nghiệp KH, CN, các tổ chức KH, CN, với sự tham gia của các Viện nghiên cứu, các NCC/NCC mạnh.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Lựa chọn đối tác nước ngoài có uy tín và kinh nghiệm để hợp tác nghiên cứu, thực hiện các hoạt động KH,CN&ĐMST. Hỗ trợ các nhóm nghiên cứu, giảng viên, nghiên cứu viên trao đổi nghiên cứu, giảng dạy ngắn hạn và dài hạn ở các nước phát triển.

- Xem xét hình thành doanh nghiệp KH,CN&ĐMST đa sở hữu (có sự góp vốn của các tập đoàn, doanh nghiệp và nhà đầu tư chiến lược) trực thuộc Học viện, nhằm đầu tư, thương mại hóa giải pháp, sản phẩm có tiềm năng ứng dụng vào thực tế;

#### **5.4. Giải pháp về đầu tư và tài chính**

- Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động KH,CN&ĐMST, đặc biệt ưu tiên cho các phòng thí nghiệm chuyên sâu, NCC/NCC mạnh.

- Đầu tư kịp thời cho các chương trình nghiên cứu, sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ tiềm năng,...

- Xem xét thành lập Quỹ phát triển KH,CN&ĐMST theo Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ, có sự tham gia của các doanh nghiệp lớn, dưới sự bảo trợ của Bộ Thông tin và Truyền thông, dự kiến đến 2025, quy mô quỹ đạt 50 tỷ.

#### **5.5. Giải pháp về chuyển đổi số**

- Triển khai ứng dụng nền tảng phục vụ xây dựng mô hình Đại học số tại Học viện; Nghiên cứu KH,CN&ĐMST phục vụ thúc đẩy chuyển đổi số; đào tạo nâng cao năng lực về chuyển đổi số cho cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện.

- Tăng cường đầu tư, xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin ứng dụng trong quản lý các hoạt động và khai thác cơ sở dữ liệu KH,CN&ĐMST, tăng cường kết nối thư viện trong nước và quốc tế để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của các giảng viên và người học của Học viện.

- Đẩy mạnh nâng cấp tạp chí Khoa học Công nghệ của Học viện theo hướng chuyển đổi số, phấn đấu đưa Tạp chí KH&CN của Học viện trở thành tạp chí uy tín hàng đầu trong lĩnh vực ICT (có số điểm được hội đồng Giáo sư Nhà nước tính lớn hơn hoặc bằng 0,75). Đẩy mạnh công tác tạo lập, phát triển, khai thác, sử dụng, phổ biến và trao đổi nguồn thông tin KH,CN&ĐMST.

- Các Viện nghiên cứu tích cực tham gia các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số của Học viện, gắn kết vào các hoạt động đào tạo của Học viện.

### **6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **6.1. Phòng quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế**

- Xây dựng Kế hoạch KH,CN&ĐMST thực hiện hàng năm trên cơ sở bảo đảm bám sát các mục tiêu, nội dung bản Chiến lược này.

- Xây dựng và trình giám đốc Học viện ban hành các quy định, hướng dẫn để cụ thể hóa các nội dung của Chiến lược này.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo giám đốc Học viện về việc thực hiện các nhiệm vụ tại Chiến lược này.

#### **6.2. Các đơn vị trực thuộc Học viện**

- Chủ động tìm kiếm nguồn kinh phí KH,CN&ĐMST ngoài Học viện, chủ động tìm kiếm thị trường, cung cấp dịch vụ KH,CN&ĐMST phù hợp với chức năng nhiệm vụ

vụ của đơn vị và phù hợp các nội dung quy định tại Chiến lược này.

- Sử dụng kinh phí KH,CN&ĐMST của Học viện hiệu quả, đảm bảo các kết quả nghiên cứu hình thành được sản phẩm có khả năng thương mại hóa.

### 6.2. Các Khoa đào tạo

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Khoa và phù hợp các nội dung quy định tại Chiến lược này.

- Trong quá trình đào tạo, tăng cường lồng ghép vào các giáo trình, bài giảng các kết quả nghiên cứu thuộc các lĩnh vực KH,CN&ĐMST được phê duyệt tại Chiến lược này.

### 6.3. Phòng Kế hoạch Đầu tư

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch vốn hằng năm để chi cho hoạt động KH,CN&ĐMST.

### 6.4. Phòng Tài chính Kế toán

Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất về thủ tục tài chính và đảm bảo các hồ sơ thanh quyết toán các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST được thực hiện đúng quy định.

### 6.5. Các đơn vị thuộc Học viện

Phổ biến các nội dung của Chiến lược này đến tất cả cán bộ của Học viện, người học của Học viện; chủ động huy động và phát triển các nguồn lực để tổ chức thực hiện các nội dung của Chiến lược này. /.

TM. HỘI ĐỒNG HỌC VIỆN  
CHỦ TỊCH



GS.TS. Từ Minh Phương